

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 12 - ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 123/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 26-5-2026

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 - ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Bé Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Văn Vũ Biên Cương.

Bà Dương Thị Quyên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Xuân Mai - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12 - Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Lê Bình Nguyên - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 08-5-2026 và ngày 26-5-2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 - Đồng Tháp (Trụ sở 2) xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 508/2025/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2025 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 192/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 233/2026/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Nguyễn Thị Mỹ H, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Ấp C, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: L, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Ấp C, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

(Chị H có mặt tại phiên tòa; Anh B vắng mặt lần thứ 2 không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Lời trình bày của nguyên đơn Nguyễn Thị Mỹ H: Vào năm 2012, chị H và anh B có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (Nay là xã T, tỉnh Đồng Tháp). Trong quá trình chung sống có 02 con chung tên là Liễu Q, sinh

ngày 18-01-2013 và Liễu Q1, sinh ngày 11-10-2019. Thời gian chung sống vợ chồng có hạnh phúc. Đến năm 2022 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm trong cuộc sống và đã một lần nộp đơn khởi kiện ly hôn tại tòa án, nhưng sau đó chị H đã rút đơn khởi kiện để vợ chồng hàn gắn. Nhưng đến tháng 9-2025 vợ chồng tiếp tục phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, nhất là lĩnh vực kinh tế, nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên vợ chồng đã ly thân từ đó cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên có sống chung cũng không hạnh phúc. Vì vậy, nay chị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau đối với bị đơn: Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Mỹ H yêu cầu được ly hôn với anh Liễu B; Về con chung: Có 02 con chung tên là Liễu Q, sinh ngày 18-01-2013 và Liễu Q1, sinh ngày 11-10-2019, chị H yêu cầu được nuôi dưỡng con chung tên Liễu Q1, sinh ngày 11-10-2019 không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con. Đối với con chung tên Liễu Q, sinh ngày 18-01-2013 chị H đồng ý giao cho anh B tiếp tục nuôi dưỡng, chị H không cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Liễu B: Đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, cũng không có gửi văn bản ý kiến cho Tòa án.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng, đầy đủ theo quy định của pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ các điều 9, 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị Mỹ H.

Không yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 12 – Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn L đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp với các điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Mỹ H và anh Liễu B sống chung có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (Nay là xã T, tỉnh Đồng Tháp) ngày 10-8-2012 nên hôn nhân của chị Nguyễn Thị Mỹ H và anh Liễu B là hợp pháp.

Trong thời gian chung sống giữa chị H và anh B có mâu thuẫn, bất đồng quan điểm nhất là lĩnh vực kinh tế, nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng dẫn đến tình cảm không còn, chị H và anh B đã ly thân với nhau nên chị H khởi kiện ly hôn với anh B tại Tòa án.

Từ khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho bị đơn anh Liễu B và việc tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án đảm bảo đúng quy định của pháp luật nhưng bị đơn anh L B không đến Tòa án để trình bày ý kiến đối với yêu cầu của chị Nguyễn Thị Mỹ H cũng như không phản đối gì đối với yêu cầu của chị Nguyễn Thị Mỹ H nên yêu cầu của chị Nguyễn Thị Mỹ H là có đủ căn cứ để chứng minh theo quy định tại khoản 2, khoản 4 Điều 91 và khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét thấy quan hệ hôn nhân của vợ chồng chị H và anh B đã mâu thuẫn trầm trọng, kéo dài, hiện nay đã ly thân với nhau vậy nếu có tiếp tục sống chung cũng không hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Mỹ H đối với anh Liễu B.

[2.2] Về con chung: Chị H và anh B có 02 con chung tên Liễu Q, sinh ngày 18-01-2013 và Liễu Q1, sinh ngày 11-10-2019. Nay ly hôn chị H yêu cầu được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Liễu Quyền, sinh ngày 11-10-2019 không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con. Đối với con chung tên Liễu Q, sinh ngày 18-01-2013 chị H đồng ý giao cho anh B tiếp tục nuôi dưỡng, chị H không cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy hiện nay cháu Q1 đang sống chung với chị H, cháu Q đang sống chung với anh B, do anh B không ý kiến đối với yêu cầu của chị H và hiện tại anh B không có mặt tại phiên tòa, nên xét thấy yêu cầu của chị H phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận giao con chung tên Liễu Q1, sinh ngày 11-10-2019 cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Liễu B được quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai

được cản trở. Chị Nguyễn Thị Mỹ H cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở anh Liễu B trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con. Trường hợp anh Liễu B lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì chị Nguyễn Thị Mỹ H có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm con của anh L Bình theo quy định tại các điều 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Giao con chung tên Liễu Q, sinh ngày 18-01-2013 cho anh L B được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Nguyễn Thị Mỹ H được quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Anh Liễu B cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở chị Nguyễn Thị Mỹ H trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con. Trường hợp chị Nguyễn Thị Mỹ H lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì anh L B có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm con của chị Nguyễn Thị Mỹ H theo quy định tại các điều 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con, nên không xem xét giải quyết. Anh B không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con, nên không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị H không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[3] Về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án hôn nhân và gia đình: Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án quy định: “*Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn*”, vậy chị Nguyễn Thị Mỹ H chịu 300.000 đồng án phí nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số: 0011492 ngày 25-12-2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp, chị Nguyễn Thị Mỹ H đã nộp đủ án phí. Anh Liễu B không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 5, 28, 35, 39, 91, 92, 144, 147, 227, 228, 271, 273, 278, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 9, 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị Mỹ H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Mỹ H được ly hôn với anh Liễu B.

2. Về con chung:

Giao cháu Liễu Q1, sinh ngày 11-10-2019 cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Liễu B được quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Chị Nguyễn Thị Mỹ H cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở anh Liễu B trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con. Trường hợp anh Liễu B lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì chị Nguyễn Thị Mỹ H có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm con của anh Liễu B.

Giao cháu Liễu Q, sinh ngày 18-01-2013 cho anh L B được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Nguyễn Thị Mỹ H được quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Anh Liễu B cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở chị Nguyễn Thị Mỹ H trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con. Trường hợp chị Nguyễn Thị Mỹ H lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì anh L B có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm con của chị Nguyễn Thị Mỹ H.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị Mỹ H không yêu cầu anh Liễu B cấp dưỡng nuôi con, nên không xem xét giải quyết. Anh Liễu B không yêu cầu chị Nguyễn Thị Mỹ H cấp dưỡng nuôi con, nên không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Mỹ H không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

4. Về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án hôn nhân và gia đình:

Chị Nguyễn Thị Mỹ H có nghĩa vụ chịu 300.000 đồng án phí nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số: 0011492 ngày 25-12-2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp, chị Nguyễn Thị Mỹ H đã nộp đủ án phí.

Anh Liễu B không phải chịu án phí.

5. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 26-5-2026). Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND khu vực 12 – Đồng Tháp;
- Phòng THADS khu vực 12 – Đồng Tháp;
- UBND xã Tân Thành A, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp (Nay là xã Tân Thành, tỉnh Đồng Tháp);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Bé Hương